TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2019
V/v: "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Kiều Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Phương và bà Nguyễn Thị Dung
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Cao Thị Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên toà:
Ông Lê Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2018/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Th – sinh năm 1978
Trú tại: xóm x, xã DTh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. (có mặt)
- *Bị đơn*: anh Phạm Đình Nh, sinh năm 1976
Trú tại: thôn x, xã DK, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
Hiện đang cai nghiện tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội I, tỉnh Nghệ An.
Địa chỉ: xóm n, xã HL, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25/09/2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: chị và anh Phạm Đình Nh sống chung với nhau vào ngày 20/10/1997, giữa hai người có tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, hai người chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nh sa đà vào chơi bời và nghiện ma túy, mặc dù rất nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Nhuận không tù bỏ được nên đến năm 2010, chị đưa con gái về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay, chị và anh Nh sống ly thân nhau. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Nh nữa nên chị Th yêu cầu Tòa án xử không công nhận quan hệ giữa chị và anh Phạm Đình Nh là vợ chồng.

Tại văn bản lấy lời khai ngày 05/01/2018, bị đơn là anh Phạm Đình Nh trình bày thống nhất với chị Nguyễn Thị Th về thời gian, điều kiện chung sống với nhau cũng như về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc anh và chị Th sống ly thân. Hiện nay, anh đang cai nghiện tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội I tỉnh Nghệ An nên

việc chị Th yêu cầu không công nhận vợ chồng thì anh cũng hoàn toàn tôn trọng yêu cầu của chị Th.

- Về con chung: quá trình lấy lời khai, hoà giải cũng như tại phiên tòa, hai bên thống nhất trình bày có một con chung là cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 16/9/1999. Nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về việc chia tài sản: Chị Th và anh Nh thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th thỏa thuận chịu nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử cũng đã tuân theo quy định của pháp luật trong quá trình xét xử, không có vi phạm về thủ tục. Các đương sự chấp hành tốt pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 9, điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th, không công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Đình Nh là vợ chồng. Về con chung cháu Phạm Thị Ngọc A đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản chung: cả chị Th và anh Nh không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 8 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có bản khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Do anh Phạm Đình Nh hiện đang cai nghiện tập trung tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội I, tỉnh Nghệ An, không trực tiếp tham gia phiên hòa giải cũng như có mặt tại phiên xét xử nên Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu đã tiến hành các thủ tục lấy lời khai, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó cần áp dụng khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Đình Nh.

[3]. Về nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và tài liệu do tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Đình Nh chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1997. Tại thời điểm chung sống chị Th và anh Nh đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu hai người chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Nh nghiện ma túy dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân nhau vào năm 2010.

Nhà nước đã có thời hạn đăng kí kết hôn gia hạn trong thời hạn 2 năm kể từ ngày Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2003, nhưng chị à anh Nh không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng kí kết hôn theo quy định. Việc chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Đình Nh. Tuy nhiên trên thực tế, chị Th và anh Nh đã có thời gian dài chung sống với nhau và có con chung nên căn cứ điều 9, điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cáo và Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình thì không xác định chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Đình Nh là vợ chồng, việc chị Nguyễn Thị Th yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Phạm Đình Nh là có căn cứ nên cần chấp nhận.

2. Về con chung: cháu Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 16/9/1999 nay đã trưởng thành nên miễn xét.

3. Về quan hệ tài sản chung và các nghĩa vụ liên quan đến tài sản: cả hai đương sự đều không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th thỏa thuận chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 8 điều 28, các điều 143, 147 và khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 9, 14 và khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Không công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh Phạm Đình Nh là vợ chồng.

- ***Việc nuôi con***: con chung Phạm Thị Ngọc A, sinh ngày 16/9/199 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- ***Về quan hệ tài sản chung và các quyền nghĩa vụ liên quan đến tài sản:*** không yêu cầu giải quyết.

- ***Án phí***: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào khoản tiền dự phí chị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai số 0000786 ngày 17/12/2018. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Đình Nh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-*VKSND huyện Diễn Châu;*
- *Chi cục THADS H. Diễn Châu;*
- *UBND xã DK;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS;*
- *Lưu VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đoàn Thị Kiều Hương